



Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu NT1
---------------------	---	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 19/08/2022
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Q.5, Tp. HCM Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : NT1: Nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải Công suất : 2000 m³

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1.	pH	-	7,65	TCVN 6492:2011 ^(*)
2.	Độ màu	Pt – Co	266	SMEWW 2120C:2017 ^(*)
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C)	mg/L	1.069	TCVN 6001-1:2008 ^(*)
4.	Nhu cầu oxy hóa học COD	mg/L	2.711	SMEWW 5220C:2017 ^(*)
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	4.722	SMEWW 2540D:2017 ^(*)
6.	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2012 ^(*)
7.	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/L	66,09	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017 ^(*)
8.	Tổng Nitơ	mg/L	119,02	TCVN 6638:2000 ^(*)
9.	Tổng Photpho	mg/L	74,4	TCVN 6202:2008 ^(*)
10.	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)
11.	Coliform	MPN/100mL	7,9 x 10 ⁵	SMEWW 9221B:2017 ^(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077).
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Kq=0,9, Kf=1.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu NT2
---------------------	---	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 19/08/2022
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Q.5, Tp. HCM Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : NT2: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải – Lấy tại cửa xả số 3 Công suất : 2000 m³

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Phương pháp thử
1.	pH	-	7,89	5,5 – 9	TCVN 6492:2011 ^(*)
2.	Độ màu	Pt – Co	39	150	TCVN 6185:2015 ^(*)
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C)	mgO ₂ /L	5	45	TCVN 6001 – 1:2008 ^(*)
4.	Nhu cầu oxy hóa học COD	mgO ₂ /L	40	135	SMEWW 5220C:2017 ^(*)
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	90	SMEWW 2540D:2017 ^(*)
6.	TDS	mg/L	1.361	-	QTN.01/LAET ^(*)
7.	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1,8	TCVN 6225-2:2012 ^(*)
8.	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/L	1,68	9	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017 ^(*)
9.	Tổng Nitơ	mg/L	5,68	36	TCVN 6638:2000 ^(*)
10.	Tổng Photpho	mg/L	1,18	5,4	TCVN 6202:2008 ^(*)
11.	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=0,3)	9	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)
12.	Coliform	MPN/100mL	KPH (LOD=2)	5.000	SMEWW 9221B:2017 ^(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077).
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Kq=0,9, Kf=1.

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

<u>Số</u> 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	<u>Kí hiệu mẫu</u> KT1
----------------------------	---	---------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 19/08/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Tp HCM

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : KT1: Tại ống khói thoát khí thải lò hơi Bosch sau hệ thống xử lý
(công suất: 14 tấn/giờ)

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B	Phương pháp thử
1.	SO ₂	mg/Nm ³	18	300	QTKT.02/LAET(*)
2.	NO _x	mg/Nm ³	71	510	QTKT.02/LAET(*)
3.	CO	mg/Nm ³	2	600	QTKT.02/LAET(*)
4.	Bụi	mg/Nm ³	72	120	US EPA Method 5(*)
5.	Lưu lượng	Nm ³ /h	9.538	-	US EPA Method 2(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077).
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số Kp=1, Kv=0,6. *phục*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

<u>Số</u> 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	<u>Kí hiệu mẫu</u> KK1
----------------------------	---	---------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 19/08/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Tp HCM

Loại mẫu : Không khí
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : K1: Tại khu vực khu dân cư bên hông nhà máy

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn	Phương pháp thử
1.	Nhiệt độ	°C	31,1	-	QCVN 46:2012/BTNMT(*)
2.	Tiếng ồn	dBA	58,7	70 ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018(*)
3.	Độ rung	dB	39,4	70 ⁽²⁾	TCVN 6963:2001(*)
4.	Bụi	µg/m ³	152	300 ⁽³⁾	TCVN 5067:1995(*)
5.	SO ₂	µg/m ³	51	350 ⁽³⁾	TCVN 5971:1995(*)
6.	NO ₂	µg/m ³	32	200 ⁽³⁾	TCVN 6137:2009(*)
7.	CO	µg/m ³	KPH (LOD=6.000)	30.000 ⁽³⁾	SOP-KK09/LAET(*)
8.	NH ₃	µg/m ³	KPH (LOD=30)	200 ⁽⁴⁾	MASA 401(*)
9.	H ₂ S	µg/m ³	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽⁴⁾	MASA 701(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077)
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
(2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
(3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
(4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu KK2
---------------------	---	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 19/08/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Tp HCM

Loại mẫu : Không khí
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : K2: Tại khu vực sân trường đại học Sài Gòn

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn	Phương pháp thử
1.	Nhiệt độ	°C	31,1	-	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)
2.	Tiếng ồn	dBA	57,1	70 ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018 ^(*)
3.	Độ rung	dB	39,8	70 ⁽²⁾	TCVN 6963:2001 ^(*)
4.	Bụi	µg/m ³	121	300 ⁽³⁾	TCVN 5067:1995 ^(*)
5.	SO ₂	µg/m ³	41	350 ⁽³⁾	TCVN 5971:1995 ^(*)
6.	NO ₂	µg/m ³	29	200 ⁽³⁾	TCVN 6137:2009 ^(*)
7.	CO	µg/m ³	KPH (LOD=6.000)	30.000 ⁽³⁾	SOP-KK09/LAET ^(*)
8.	NH ₃	µg/m ³	KPH (LOD=30)	200 ⁽⁴⁾	MASA 401 ^(*)
9.	H ₂ S	µg/m ³	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽⁴⁾	MASA 701 ^(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077)
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
(2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
(3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
(4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu KK3
---------------------	---	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 19/08/2022
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Tp HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : K3: Tại khu vực KDC đường Bà Triệu – cổng ra đường Nguyễn Kim

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn	Phương pháp thử
1.	Nhiệt độ	°C	31	-	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)
2.	Tiếng ồn	dBA	58,4	70 ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018 ^(*)
3.	Độ rung	dB	39,5	70 ⁽²⁾	TCVN 6963:2001 ^(*)
4.	Bụi	µg/m ³	131	300 ⁽³⁾	TCVN 5067:1995 ^(*)
5.	SO ₂	µg/m ³	48	350 ⁽³⁾	TCVN 5971:1995 ^(*)
6.	NO ₂	µg/m ³	34	200 ⁽³⁾	TCVN 6137:2009 ^(*)
7.	CO	µg/m ³	KPH (LOD=6.000)	30.000 ⁽³⁾	SOP-KK09/LAET ^(*)
8.	NH ₃	µg/m ³	KPH (LOD=30)	200 ⁽⁴⁾	MASA 401 ^(*)
9.	H ₂ S	µg/m ³	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽⁴⁾	MASA 701 ^(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077)
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
(2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
(3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
(4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu KK4
---------------------	---	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 19/08/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Tp HCM

Loại mẫu : Không khí
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : K4: Tại khu vực sân malt đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn	Phương pháp thử
1.	Nhiệt độ	°C	31	-	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)
2.	Tiếng ồn	dBA	56,9	70 ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018 ^(*)
3.	Độ rung	dB	40,1	70 ⁽²⁾	TCVN 6963:2001 ^(*)
4.	Bụi	µg/m ³	96	300 ⁽³⁾	TCVN 5067:1995 ^(*)
5.	SO ₂	µg/m ³	39	350 ⁽³⁾	TCVN 5971:1995 ^(*)
6.	NO ₂	µg/m ³	31	200 ⁽³⁾	TCVN 6137:2009 ^(*)
7.	CO	µg/m ³	KPH (LOD=6.000)	30.000 ⁽³⁾	SOP-KK09/LAET ^(*)
8.	NH ₃	µg/m ³	KPH (LOD=30)	200 ⁽⁴⁾	MASA 401 ^(*)
9.	H ₂ S	µg/m ³	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽⁴⁾	MASA 701 ^(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077)
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
(2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
(3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
(4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Giám đốc



KS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu KK5
---------------------	---	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 19/08/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Tp HCM

Loại mẫu : Không khí
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : K5: Tại khu vực cổng A đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn	Phương pháp thử
1.	Nhiệt độ	°C	31,2	-	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)
2.	Tiếng ồn	dBA	64,6	70 ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018 ^(*)
3.	Độ rung	dB	43,6	70 ⁽²⁾	TCVN 6963:2001 ^(*)
4.	Bụi	µg/m ³	129	300 ⁽³⁾	TCVN 5067:1995 ^(*)
5.	SO ₂	µg/m ³	45	350 ⁽³⁾	TCVN 5971:1995 ^(*)
6.	NO ₂	µg/m ³	28	200 ⁽³⁾	TCVN 6137:2009 ^(*)
7.	CO	µg/m ³	KPH (LOD=6.000)	30.000 ⁽³⁾	SOP-KK09/LAET ^(*)
8.	NH ₃	µg/m ³	KPH (LOD=30)	200 ⁽⁴⁾	MASA 401 ^(*)
9.	H ₂ S	µg/m ³	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽⁴⁾	MASA 701 ^(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077)
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
(2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
(3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
(4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu KK6
---------------------	---	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 19/08/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Tp HCM

Loại mẫu : Không khí
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : K6: Tại khu vực cổng B đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn	Phương pháp thử
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	31,4	-	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)
2.	Tiếng ồn	dBA	65,1	70 ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018 ^(*)
3.	Độ rung	dB	44,2	70 ⁽²⁾	TCVN 6963:2001 ^(*)
4.	Bụi	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	142	300 ⁽³⁾	TCVN 5067:1995 ^(*)
5.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	42	350 ⁽³⁾	TCVN 5971:1995 ^(*)
6.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	33	200 ⁽³⁾	TCVN 6137:2009 ^(*)
7.	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	KPH (LOD=6.000)	30.000 ⁽³⁾	SOP-KK09/LAET ^(*)
8.	NH ₃	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	KPH (LOD=30)	200 ⁽⁴⁾	MASA 401 ^(*)
9.	H ₂ S	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽⁴⁾	MASA 701 ^(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077)
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
(2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
(3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
(4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu KK7
---------------------	---	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 19/08/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Tp HCM

Loại mẫu : Không khí
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : K7: Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn	Phương pháp thử
1.	Nhiệt độ	°C	31,8	-	QCVN 46:2012/BTNMT(*)
2.	Tiếng ồn	dBA	61,1	70 ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018(*)
3.	Độ rung	dB	47,3	70 ⁽²⁾	TCVN 6963:2001(*)
4.	Bụi	µg/m ³	87	300 ⁽³⁾	TCVN 5067:1995(*)
5.	SO ₂	µg/m ³	51	350 ⁽³⁾	TCVN 5971:1995(*)
6.	NO ₂	µg/m ³	41	200 ⁽³⁾	TCVN 6137:2009(*)
7.	CO	µg/m ³	KPH (LOD=6.000)	30.000 ⁽³⁾	SOP-KK09/LAET(*)
8.	NH ₃	µg/m ³	60	200 ⁽⁴⁾	MASA 401(*)
9.	H ₂ S	µg/m ³	19	42 ⁽⁴⁾	MASA 701(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077)
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
(2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
(3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
(4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu KK8
---------------------	---	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 19/08/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Tp HCM

Loại mẫu : Không khí
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : K8: Tại khu vực gần ống khói xử lý mùi hôi của HTXLNT

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn	Phương pháp thử
1.	Nhiệt độ	°C	31,9	-	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)
2.	Tiếng ồn	dBA	61,2	70 ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018 ^(*)
3.	Độ rung	dB	47,1	70 ⁽²⁾	TCVN 6963:2001 ^(*)
4.	Bụi	µg/m ³	76	300 ⁽³⁾	TCVN 5067:1995 ^(*)
5.	SO ₂	µg/m ³	52	350 ⁽³⁾	TCVN 5971:1995 ^(*)
6.	NO ₂	µg/m ³	37	200 ⁽³⁾	TCVN 6137:2009 ^(*)
7.	CO	µg/m ³	KPH (LOD= 6.000)	30.000 ⁽³⁾	SOP-KK09/LAET ^(*)
8.	NH ₃	µg/m ³	67	200 ⁽⁴⁾	MASA 401 ^(*)
9.	H ₂ S	µg/m ³	23	42 ⁽⁴⁾	MASA 701 ^(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077)
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
(2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
(3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
(4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

<u>Số</u> 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	<u>Kí hiệu mẫu</u> KK9
----------------------------	---	---------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 19/08/2022
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Tp HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : K9: Tại khu vực ngoài trời thời điểm đo

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1.	Nhiệt độ	°C	31,5	QCVN 46:2012/BTNMT(*)

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077).
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiến



Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTREPORT	Kí hiệu mẫu NN2
---------------------	--	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 19/08/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, P. 12, Q. 5, Tp. HCM

Loại mẫu : Nước ngầm

Ký hiệu mẫu : NN3: Nước ngầm – G6

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT	Phương pháp thử
1.	pH	-	6,44	5,5 – 8,5	TCVN 6492:2011(*)
2.	Độ cứng tổng	mg/L	72,94	500	SMEWW 2340C:2017(*)
3.	Chỉ số pecmanganat	mg/L	0,59	4	TCVN 6186:1996(*)
4.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	203,36	1.500	QTN.01/LAET(*)
5.	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	9,2	250	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017(*)
6.	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,002)	0,01	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2017(*)
7.	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1,0	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017(*)
8.	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	1,0	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017(*)
9.	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,004)	1,0	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017(*)
10.	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,01)	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017(*)
11.	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	KPH (LOD=2)	400	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017(*)
12.	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	0,05	SMEWW 3113B:2017(*)
13.	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	0,005	SMEWW 3113B:2017(*)
14.	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05	SMEWW 3500-Cr.B:2017(*)
15.	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1,0	SMEWW 3111B:2017(*)
16.	Sắt (Fe)	mg/L	4,42	5,0	SMEWW 3111B:2017(*)
17.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00025)	0,001	TCVN 7878:2008(**)
18.	Mangan (Mn)	mg/L	0,44	0,5	SMEWW 3111B:2017(*)



TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT	Phương pháp thử
19.	Niken (Ni)	mg/L	0,02	0,02	SMEWW 3113B:2017 ^(*)
20.	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,002)	0,01	SMEWW 3113B:2017 ^(*)
21.	Selen (Se)	mg/L	KPH (LOD=0,00054)	0,01	TCVN 6183:1996 ^(**)
22.	Kẽm (Zn)	mg/L	1,36	3,0	SMEWW 3111B:2017 ^(*)
23.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	KPH (LOD=0,01)	0,1	TCVN 6053:2011 ^(*)
24.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	KPH (LOD=0,3)	1,0	TCVN 6219:2011 ^(*)
25.	Phenol	mg/L	KPH (LOD=0,0003)	0,001	US EPA Method 3535A+ US EPA method 8041A ^(**)
26.	Aldrin	μ g/L	KPH (LOD=0,01)	0,1	US EPA Method 3510C US EPA Method 3620C US EPA Method 8081B ^(*)
27.	Dieldrin	μ g/L	KPH (LOD=0,01)	0,1	
28.	DDTs	μ g/L	KPH (LOD=0,01)	1,0	
29.	Heptachlor và heptachlorepoxide	μ g/L	KPH (LOD=0,01)	0,2	
30.	Benzenhexachloride	μ g/L	KPH (LOD=0,003)	0,02	

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077).
- (**) Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện.
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.



Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên



Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kíhiệumẫu NN2
---------------------	---	------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 19/08/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, P. 12, Q. 5, Tp. HCM

Loại mẫu : Nước ngầm

Ký hiệu mẫu : NN3: Nước ngầm – G6

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QC 09- MT:2015/BTNMT	Phương pháp thử
1.	Coliform	MPN/100mL	KPH (LOD=2)	3	SMEWW 9221B:2017 ^(*)
2.	E.Coli	MPN/100mL	KPH (LOD=2)	Không phát hiện thấy	SMEWW 9221B&F:2017 ^(*)

Ghi chú:

- (*)Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077).
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu NN1
---------------------	---	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 19/08/2022
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, P. 12, Q. 5, Tp. HCM Loại mẫu : Nước ngầm
Ký hiệu mẫu : NN1: Nước ngầm – G1

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT	Phương pháp thử
1.	pH	-	6,63	5,5 – 8,5	TCVN 6492:2011 ^(*)
2.	Độ cứng tổng	mg/L	70,59	500	SMEWW 2340C:2017 ^(*)
3.	Chỉ số pecmanganat	mg/L	0,59	4	TCVN 6186:1996 ^(*)
4.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	206,32	1.500	QTN.01/LAET ^(*)
5.	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	9,7	250	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017 ^(*)
6.	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,002)	0,01	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2017 ^(*)
7.	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1,0	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017 ^(*)
8.	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/L	0,109	1,0	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017 ^(*)
9.	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)	mg/L	0,005	1,0	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017 ^(*)
10.	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,01)	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017 ^(*)
11.	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	KPH (LOD=2)	400	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017 ^(*)
12.	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	0,05	SMEWW 3113B:2017 ^(*)
13.	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	0,005	SMEWW 3113B:2017 ^(*)
14.	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05	SMEWW 3500-Cr.B:2017 ^(*)
15.	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1,0	SMEWW 3111B:2017 ^(*)
16.	Sắt (Fe)	mg/L	3,41	5,0	SMEWW 3111B:2017 ^(*)
17.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00025)	0,001	TCVN 7878:2008 ^(**)
18.	Mangan (Mn)	mg/L	0,35	0,5	SMEWW 3111B:2017 ^(*)



TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09- MT:2015/BTNMT	Phương pháp thử
19.	Niken (Ni)	mg/L	0,17	0,02	SMEWW 3113B:2017 ^(*)
20.	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,002)	0,01	SMEWW 3113B:2017 ^(*)
21.	Selen (Se)	mg/L	KPH (LOD=0,00054)	0,01	TCVN 6183:1996 ^(**)
22.	Kẽm (Zn)	mg/L	0,8	3,0	SMEWW 3111B:2017 ^(*)
23.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	KPH (LOD=0,01)	0,1	TCVN 6053:2011 ^(*)
24.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	KPH (LOD=0,3)	1,0	TCVN 6219:2011 ^(*)
25.	Phenol	mg/L	KPH (LOD=0,0003)	0,001	US EPA Method 3535A+ US EPA method 8041A ^(**)
26.	Aldrin	μ g/L	KPH (LOD=0,01)	0,1	US EPA Method 3510C US EPA Method 3620C US EPA Method 8081B ^(*)
27.	Dieldrin	μ g/L	KPH (LOD=0,01)	0,1	
28.	DDTs	μ g/L	KPH (LOD=0,01)	1,0	
29.	Heptachlor và heptachlorepoxyde	μ g/L	KPH (LOD=0,01)	0,2	
30.	Benzenhexachloride	μ g/L	KPH (LOD=0,003)	0,02	

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077).
- (**) Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện.
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



Số 031908.22.313	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu NN1
---------------------	---	--------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 19/08/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, P. 12, Q. 5, Tp. HCM

Loại mẫu : Nước ngầm

Ký hiệu mẫu : NN1: Nước ngầm – G1

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QC 09- MT:2015/BTNMT	Phương pháp thử
1.	Coliform	MPN/100mL	KPH (LOD=2)	3	SMEWW 9221B:2017 ^(*)
2.	E.Coli	MPN/100mL	KPH (LOD=2)	Không phát hiện thấy	SMEWW 9221B&F:2017 ^(*)

Ghi chú:

- (*)Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận (số hiệu: VIMCERTS 077).
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền